

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: **271/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 21-07-2022

“V/v Ly hôn, chia TS chung”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Năm

Bà Nguyễn Huỳnh Hưởng

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 07 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 337/2022/TLST-HNGĐ ngày 9/06/2022 về việc “Ly hôn, chia tài sản chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Đức L, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Bà Trần Như Ý- sinh năm 2001 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Anh L và chị Ý xác lập quan hôn nhân vào ngày 26.01.2022, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (theo giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 26.01.2022 của UBND xã Phong Lạc). Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ không trung thực trong vấn đề quản lý tài sản, tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm. Nay yêu cầu được ly hôn với Ý.

Về tài sản chung: Ngày cưới bên gia đình tôi có cho vợ 11 chỉ vàng 24k và 1 đôi bông vàng 18k, do ý quản lý. Nay yêu cầu chia 6 chỉ vàng 24k, còn đôi bông giao cho Ý.

Bị đơn chị Trần Như Ý trình bày:

Thống nhất về thời gian kết hôn và có đăng ký kết hôn như nguyên đơn trình bày là đúng, vợ chồng không có con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L gia trưởng đòi hỏi nhập gia thì phải tùy tục, thường xuyên cãi nhau. Nay không đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung: Trong ngày cưới cha mẹ bên chồng có cho 10 chỉ vàng 24k và 1 đôi bông vàng 18k, và chị dâu cho 1 chỉ vàng 24k. Số vàng trên tôi quản lý, nhưng trong thời gian về sống bên cha mẹ ruột, tôi bị bệnh đã bán 1 chỉ vàng 24k để trị bệnh, nay còn lại 10 chỉ vàng 24k và 1 đôi bông tại. Yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những nội dung trên Hội đồng xét xử;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, chia tài sản chung, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là “*Ly hôn, chia tài sản chung*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án*: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Trần Văn Thời, nội dung tranh chấp là việc “*Ly hôn và chia tài sản chung*”, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét về thủ tục*: Đối với bị đơn tòa án đã triệu tập hợp lệ 2 lần để xét xử, nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] *Xét về yêu cầu ly hôn*: Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tiến bộ là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau; nhưng anh L và chị Ý không làm được điều đó mà lại làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh L đã xác định không còn tình cảm với chị Ý, cả hai bên đều không có thiện chí hàn gắn trở lại và anh L thể hiện ý chí cương quyết ly hôn với chị Ý. Xét thấy hai bên cũng xác định tính tình không phù hợp thường xuyên cãi nhau, từ khi sống ly thân đến nay không có thiện chí hàn gắn trở lại nên chấp nhận cho anh Phạm Đức L được ly hôn với chị Trần Như Ý là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Xét về con chung*: Thời ký hôn nhân anh L và chị Ý không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Xét về tài sản chung*: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, chỉ có nữ trang bên gia đình chồng cho trong ngày cưới là 11 chỉ vàng 24k và 1 đôi bông tai vàng 18k (không biết trọng lượng). Nay nguyên đơn yêu cầu chia đôi số vàng 24k và 1 đôi bông tai vàng 18k cho chị Ý. Đối với bị đơn cũng thừa nhận ngày cưới bên gia đình chồng có cho số nữ trang trên nhưng khi ly thân chị đã bán 1 chỉ vàng 24k để điều trị bệnh. Xét thấy việc đặc ra của chị Ý chưa có căn cứ vững chắc bởi chị không chứng minh được việc chị có điều trị bệnh. Hơn nữa khi chị bán 1 chỉ vàng 24k không hỏi ý kiến của anh L, do đó không chấp nhận việc chị Ý bán 1 chỉ vàng để trị bệnh. Xét thấy đây số vàng 11 chỉ vàng 24k là tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn thì chia đôi mỗi người được chia $\frac{1}{2}$ số vàng trên là phù hợp, do đó xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận và buộc chị Ý có trách nhiệm giao lại cho anh L 5,5 chỉ vàng 24k, chị Ý được chia 5,5 chỉ vàng 24k là phù hợp với Điều 59 Luật hôn nhân và Gia đình. Đối với đôi bông tai vàng 18k (không rõ trọng lượng) hiện chị Ý đang quản lý anh L không yêu cầu chia, nên giao đôi bông tai cho chị Ý quản lý sử dụng là phù hợp.

[7] *Xét về án phí*: Án phí sơ thẩm anh L và chị Ý phải chịu án phí 5% trên tổng giá trị được chia, vàng 24k tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 5.250.000 đồng /1 chỉ để tính án phí. Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 18, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 59, của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 18; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Phạm Đức L và Trần Như Ý.

Về tài sản chung: Chia cho chị Trần Như Ý 1 đôi bông tai (không xác định trọng lượng) vàng 18k và 5,5 chỉ vàng 24k (số vàng chị Ý đang quản lý); Buộc chị Trần Như Ý có trách nhiệm giao lại cho anh Phạm Đức L 5,5 chỉ vàng 24k.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Phạm Đức L phải nộp án phí sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng và án phí chia tài sản chung là 1.443.750 đồng. Anh L đã dự nộp án phí trước là 300.000 đồng theo biên lai số 0004938 ngày 8.6.2022 và 819.000 đồng theo biên lai số 0004937 ngày 8.6.2022 nay chuyển sang thu đối trừ phần còn lại phải nộp tiếp. Chị Trần Như Ý phải nộp án phí chia tài sản chung là 1.443.750 đồng (chưa nộp).

3. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Phong Lạc, huyện Thới Bình
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Từ Thanh Nhung